

BIỂU SỐ 19/2019
THỐNG KÊ KIỂM SÁT GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN
HÀNH CHÍNH THEO THỦ TỤC SƠ THẨM

- **Dòng 1 (Số đơn khởi kiện Tòa án trả lại):** Thống kê số đơn khởi kiện, Tòa án trả lại cho người khởi kiện trong kỳ thống kê (Khoản 2 điều 123 LTTHC).

- **Dòng 2 (Số vụ có khiếu nại của đương sự, kiến nghị của VKS về việc trả lại đơn khởi kiện):** Thống kê số khiếu nại của đương sự, số kiến nghị của VKS về việc trả lại đơn khởi kiện trong kỳ thống kê (Khoản 1 Điều 124 LTTHC).

- **Dòng 3 (Tr. đó: Số bản kiến nghị của VKS về việc trả lại đơn khởi kiện):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS về việc Tòa án trả lại đơn khởi kiện trong kỳ thống kê

- **Dòng 4 (Số vụ Tòa án mở phiên họp giải quyết khiếu nại, kiến nghị về việc trả lại đơn khởi kiện):** Thống kê số việc tòa án đã mở phiên họp giải quyết khiếu nại, kiến nghị về việc trả lại đơn khởi kiện trong kỳ thống kê (Khoản 3 Điều 124 LTTHC).

- **Dòng 5 (Tr. đó: Số kiến nghị của VKS):** Thống kê số vụ tòa án đã mở phiên họp giải quyết kiến nghị của VKS về việc trả lại đơn khởi kiện trong kỳ thống kê.

- **Dòng 6 (Số vụ Tòa án chấp nhận khiếu nại, kiến nghị):** Thống kê số vụ tòa án đã chấp nhận khiếu nại của đương sự, kiến nghị của VKS về việc trả lại đơn khởi kiện trong kỳ thống kê.

- **Dòng 7 (Tr. đó: Số vụ Tòa án chấp nhận kiến nghị của VKS):** Thống kê số việc tòa án đã chấp nhận kiến nghị của VKS về việc trả lại đơn khởi kiện trong kỳ thống kê.

- **Dòng 8 (Số phiên họp có KSV tham gia):** Thống kê số vụ Tòa án đã mở phiên họp giải quyết khiếu nại, kiến nghị về việc trả lại đơn khởi kiện trong kỳ thống kê và có kiểm sát viên tham gia.

- **Dòng 9 (Số vụ án VKS tiếp tục kiến nghị lên Tòa án cấp trên):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS với Chánh án tòa án trên một cấp về việc Tòa án trả lại đơn khởi kiện trong kỳ thống kê (Khoản 5 Điều 124 LTTHC).

- **Dòng 10 (Số vụ án Tòa án cấp trên chấp nhận kiến nghị của VKS):** Thống kê số vụ án tòa án cấp trên đã chấp nhận kiến nghị của VKS về việc trả lại đơn khởi kiện trong kỳ thống kê.

- **Dòng 11 (Số vụ án còn lại của kỳ trước):** Thống kê số vụ án còn lại trong kỳ thống kê trước (VKS đã nhận được thông báo thụ lý của Tòa án trong kỳ thống kê trước) nhưng Tòa án chưa giải quyết xong, chuyển sang kỳ thống kê này để giải quyết.

- **Dòng 12 (Số vụ án tạm đình chỉ được Tòa án ra quyết định tiếp tục giải quyết trong kỳ thống kê):** Thống kê số vụ án đã có quyết định tạm đình chỉ trong kỳ thống kê trước, nhưng trong kỳ thống kê này Tòa án đã ra QĐ tiếp tục giải quyết vụ án (Điều 142 LTTHC) vì không còn lý do tạm đình chỉ.

Lưu ý: Số này không nằm trong số vụ, việc còn lại của kỳ trước vì đã có quyết định tạm đình chỉ.

- **Dòng 13 (Số vụ án VKS mới nhận được thông báo thụ lý):** Thống kê số vụ án VKS đã nhận được thông báo thụ lý bằng văn bản của Tòa án chuyển sang trong kỳ thống kê

Dòng 13 = Tổng số các Dòng 14 đến Dòng 21.

- **Từ dòng 14 đến dòng 21:** Phân loại số vụ án VKS đã nhận được thông báo thụ lý bằng văn bản của Tòa án chuyển sang trong kỳ thống kê khiếu kiện cụ thể theo Điều 30 Luật TTHC.

- **Dòng 22 (Số vụ án Tòa án gửi thông báo cho VKS không đúng thời hạn):** Thống kê số vụ án VKS mới thụ lý trong kỳ thống kê (thuộc dòng 13) mà Tòa án gửi thông báo bằng văn bản cho VKS không đúng thời hạn quy định (Điều 126 Luật TTHC).

- **Dòng 23 (Số vụ án nhận từ nơi khác chuyển đến):** Thống kê số vụ án ở nơi khác chuyển đến VKS trong kỳ thống kê (Khi nhận số chuyển đến, nơi nhận chỉ thống kê số này vào số chuyển đến, không thống kê số này vào số vụ án còn lại của kỳ trước hay số mới).

- **Dòng 24 (Số vụ án chuyển đi nơi khác):** Thống kê số vụ án đã có quyết định chuyển đi nơi khác trong kỳ thống kê.

- **Dòng 25 (Tổng số vụ án VKS thụ lý):** Thống kê tổng số vụ án VKS thụ lý kiểm sát trong kỳ thống kê

Dòng 25 = Dòng 11 + Dòng 12 + Dòng 13 + Dòng 23 - Dòng 24

- **Dòng 26 (Số vụ án VKS yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ):** Thống kê số vụ án VKS đã có văn bản yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ trong kỳ thống kê để giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm (khoản 6 Điều 84 Luật TTHC).

- **Dòng 27 (Số vụ án Tòa án thực hiện yêu cầu xác minh, thu thập chứng cứ của VKS):** Thống kê số vụ án VKS đã có văn bản yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm và Tòa án đã thực hiện yêu cầu đó của VKS trong kỳ thống kê (Yêu cầu có thể ở kỳ thống kê trước hoặc trong kỳ thống kê nhưng Tòa án đã thực hiện yêu cầu đó của VKS trong kỳ thống kê).

- **Dòng 28 (Số vụ án Tòa án đã giải quyết xong):** Thống kê số vụ án Tòa án đã giải quyết xong ở cấp sơ thẩm và đã chuyển các văn bản giải quyết sang VKS trong kỳ thống kê hoặc VKS đã nắm được kết quả giải quyết vụ việc đó trong kỳ thống kê (do VKS tham gia phiên tòa hoặc phiên họp sơ thẩm). Các

văn bản giải quyết gồm: QĐ đình chỉ, QĐ công nhận kết quả đối thoại thành của đương sự, bản án hoặc quyết định sơ thẩm đối với phiên họp

- **Dòng 29 (Tr. đó: Số vụ án Tòa án ra quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án trước khi mở phiên tòa):** Thống kê số vụ án Tòa án đã ra QĐ đình chỉ giải quyết vụ án trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm trong kỳ thống kê (Điều 143 Luật TTHC).

- **Dòng 30 (Số vụ án Tòa án ra quyết định công nhận kết quả đối thoại thành của đương sự):** Thống kê số vụ án Tòa án đã ra quyết định công nhận kết quả đối thoại thành của đương sự trong kỳ thống kê trên cơ sở biên bản đối thoại thành của đương sự (biên bản này có thể được lập trong kỳ thống kê trước) (Điều 140 LTTHC).

- **Dòng 31 (Số vụ án Tòa án đã xét xử):** Thống kê số vụ án Tòa án đã đưa ra xét xử và đã xét xử xong trong kỳ thống kê (Điều 193, 194 Luật TTHC).

- **Dòng 32 (Tr. đó: Số vụ án có kiểm sát viên tham gia phiên tòa):** Thống kê số vụ án Tòa án đã xét xử sơ thẩm trong kỳ thống kê và có kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

- **Dòng 33 (Số vụ án bác yêu cầu khởi kiện):** Thống kê số vụ án Hội đồng xét xử tuyên bác yêu cầu khởi kiện của đương sự nếu yêu cầu đó không có căn cứ pháp luật trong kỳ thống kê (Khoản 2, Điều 193 Luật TTHC).

- **Dòng 34 (Số vụ án Tòa án chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện):** Thống kê số vụ án Hội đồng xét xử đã tuyên chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện của đương sự trong kỳ thống kê (Khoản 2, Điều 193 Luật TTHC).

- **Dòng 35 (Số vụ án Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án tại phiên tòa):** Thống kê số vụ án Hội đồng xét xử đã ra quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án tại phiên tòa trong kỳ thống kê (Khoản 2, Điều 165, Luật TTHC).

- **Dòng 36 (Số vụ án VKS tổ chức tham gia phiên tòa rút kinh nghiệm):** Thống kê số vụ án VKS đã tổ chức tham gia phiên tòa rút kinh nghiệm trong kỳ thống kê (Lưu ý : Không thống kê phiên tòa do Tòa án tổ chức).

- **Dòng 37 (Số vụ án có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự tham gia):** Thống kê số vụ án có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự tham gia trong kỳ thống kê (Điều 61 Luật TTHC).

- **Dòng 38 (Tr. đó: số vụ án có luật sư):** Thống kê số vụ án có luật sư tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật về luật sư trong kỳ thống kê (Điểm a, khoản 2, Điều 61 Luật TTHC).

- **Dòng 39 (Số vụ án tạm đình chỉ trong kỳ thống kê):** Thống kê số vụ án Tòa án đã ra quyết định TĐC trong kỳ thống kê (Điều 141 Luật TTHC).

- **Dòng 40 (Số vụ án tạm đình chỉ tính đến cuối kỳ thống kê):** Thống kê số vụ án Tòa án đã ra quyết định tạm đình chỉ từ các kỳ thống kê trước, trong kỳ

thống kê này nhưng đến thời điểm kết thúc kỳ thống kê các vụ đó chưa được Toà án ra quyết định để giải quyết tiếp.

Số vụ Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ tính đến cuối kỳ thống kê = Số vụ Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ tính đến cuối kỳ thống kê của kỳ thống kê trước + Số vụ Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ trong kỳ thống kê - Số vụ, việc TĐC được Tòa án ra quyết định tiếp tục giải quyết trong kỳ thống kê.

Dòng 40 = Dòng 40 của kỳ thống kê trước + Dòng 39 – Dòng 12).

- **Dòng 41 (Số bản án, quyết định Tòa án gửi cho VKS):** Thống kê số bản án, quyết định của Tòa án đã chuyển sang VKS trong kỳ thống kê.

- **Dòng 42 (Số bản án, quyết định mà VKS đã kiểm sát):** Thống kê số bản án, quyết định của Tòa án đã chuyển sang VKS và VKS đã kiểm sát xong bản án, quyết định đó (có phiếu kiểm sát) trong kỳ thống kê.

- **Dòng 43 (Số bản án, quyết định VKS phát hiện có vi phạm):** Thống kê số bản án, quyết định của Tòa án mà VKS đã kiểm sát và phát hiện có vi phạm về thời hạn, nội dung hoặc hình thức trong kỳ thống kê (Điều 142, 144, 146, 196 LTTHC).

- **Dòng 44 (Số vụ án VKS kháng nghị phúc thẩm (kháng nghị cùng cấp):** Thống kê số vụ án VKS đã có kháng nghị phúc thẩm đối với bản án, quyết định của Tòa án cùng cấp trong kỳ thống kê.

- **Dòng 45 (Tr. đó: Số vụ án VKS kháng nghị đối với bản án):** Thống kê số vụ án VKS có kháng nghị phúc thẩm đối với bản án của Tòa án cùng cấp trong kỳ thống kê.

- **Dòng 46 (Số vụ án VKS kháng nghị đối với các quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ của Tòa án):** Thống kê số vụ án VKS có kháng nghị phúc thẩm đối với các quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ của Tòa án cùng cấp trong kỳ thống kê.

- **Dòng 47 (Số vụ án báo cáo VKS cấp trên kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm):** Thống kê số vụ án VKS báo cáo VKS cấp trên kháng nghị phúc thẩm trong kỳ thống kê (do có căn cứ kháng nghị nhưng đã hết thời hạn kháng nghị đối với VKS cùng cấp và chưa hết thời hạn kháng nghị đối với VKS cấp trên trực tiếp (Điều 213 Luật TTHC).

- **Dòng 48 (Số vụ án báo cáo VKS cấp trên kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm):** Thống kê số vụ án Viện kiểm sát thấy có căn cứ để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm và đã có văn bản báo cáo VKS cấp trên kháng nghị GĐT, tái thẩm trong kỳ thống kê.

- **Dòng 49 (Số vụ án còn lại cuối kỳ chưa giải quyết):** Thống kê số vụ án VKS đã thụ lý và Tòa án chưa giải quyết phải chuyển sang kỳ thống kê sau để giải quyết.

- **Dòng 50 (Tr. đó: Số vụ án quá hạn luật định):** Thống kê những vụ án Tòa án chưa giải quyết hoặc chưa giải quyết xong nhưng đã quá thời hạn chuẩn bị xét xử và thời hạn hoãn phiên tòa (Điều 130, 163 Luật TTHC).

- **Dòng 51 (Số quyết định giám định lại của VKSNDTC):** Thống kê số quyết định giám định lại của VKSNDTC trong trường hợp có căn cứ cho rằng

kết luận đã giám định không chính xác, có vi phạm pháp luật... (Khoản 5 Điều 89 LTTHC).

- **Dòng 52 (Số bản kiến nghị của VKS với Toà án):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS đối với Toà án trong kỳ thống kê gồm: kiến nghị vi phạm về nội dung, hình thức (có thể là vi phạm diễn ra trong kỳ hoặc có thể là vi phạm diễn ra từ kỳ trước).

Nếu trong một bản kiến nghị có cả kiến nghị về thủ tục sơ thẩm và phúc thẩm hoặc phúc thẩm và giám đốc thẩm, tái thẩm; thì chỉ thống kê vào một trong 3 biểu (Biểu 19, 20, 21), đã thống kê vào biểu sơ thẩm rồi thì không thống kê vào biểu phúc thẩm, giám đốc thẩm nữa, hoặc đã thống kê vào biểu phúc thẩm rồi thì không thống kê vào biểu giám đốc thẩm nữa.

- **Dòng 53 (Tr. đó: Về áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc không áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời):**

Thống kê số bản kiến nghị của VKS đối với Toà án về áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc không áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời trong kỳ thống kê gồm: kiến nghị vi phạm về nội dung, hình thức (có thể là vi phạm diễn ra trong kỳ hoặc có thể là vi phạm diễn ra từ kỳ trước) (Điều 76 LTTHC).

- **Dòng 54 (Về áp dụng thủ tục rút gọn):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS đối với Toà án về áp dụng thủ tục rút gọn trong kỳ thống kê gồm: kiến nghị vi phạm về nội dung, hình thức (có thể là vi phạm diễn ra trong kỳ hoặc có thể là vi phạm diễn ra từ kỳ trước) (Điều 248 LTTHC).

- **Dòng 55 (Về gửi bản án, quyết định, thông báo, văn bản cho VKS không đúng thời hạn):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS đối với Toà án về gửi bản án, quyết định, thông báo, văn bản cho VKS không đúng thời hạn.

- **Dòng 56 (Số bản kiến nghị được chấp nhận):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS đã có văn bản của Tòa án về việc chấp nhận kiến nghị trong kỳ thống kê (kiến nghị có thể trong kỳ, có thể từ kỳ trước).

- **Dòng 57 (Số bản kiến nghị không được chấp nhận)** Thống kê số bản kiến nghị của VKS đã có văn bản của Tòa án về việc không chấp nhận kiến nghị trong kỳ thống kê (kiến nghị có thể trong kỳ, có thể từ kỳ trước).

- **Dòng 58 (Số bản kiến nghị của VKS về những vi phạm của các cơ quan khác):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS về những vi phạm của các cơ quan khác trong quá trình kiểm sát giải quyết vụ án hành chính trong kỳ thống kê.

Nếu trong một bản kiến nghị có cả kiến nghị về thủ tục sơ thẩm và phúc thẩm hoặc phúc thẩm và giám đốc thẩm, tái thẩm; thì chỉ thống kê vào một trong 3 biểu (Biểu 19, 20, 21), đã thống kê vào biểu sơ thẩm rồi thì không thống kê vào biểu phúc thẩm, giám đốc thẩm nữa, hoặc đã thống kê vào biểu phúc thẩm rồi thì không thống kê vào biểu giám đốc thẩm nữa.